



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code
BN18011999
MM18017241

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMNM 02/3 – LBH 03
Ngày/Date : 20/04/2018

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ Name of sample : KEM KHOAI MÔN DỪA - NHÃN HIỆU DELIGHT YOLO (V-K-2)
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Kem ăn, đựng trong bao giấy.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/01/2018
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 05/02/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Enterobacteriaceae	CFU/g	< 10	ISO 21528-2:2004 (*)
2	Listeria monocytogenes	CFU/g	< 10	ISO 11290- 2:1998/Amd.1:2004 (*)
3	Salmonella spp.	/25g	Không phát hiện	TCVN 8342:2010 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Th.S Trương Huỳnh Anh Vũ

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

9/ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

9/ F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918 219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

19/ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 3811 808

☎ (84.258) 3811 809

✉ vanphongmienntrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN18011999 MM18017241	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 20/04/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ Name of sample : KEM KHOAI MÔN DỪA - NHÃN HIỆU DELIGHT YOLO (V-K-2)
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Kem ăn, đựng trong bao giấy.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/01/2018
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 05/02/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Arsen (As)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL= 0,01	AOAC 986.15(*)
2	Cadimi (Cd)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
3	Chì (Pb)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11)(*)
4	Thủy ngân (Hg)	mg/Kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	AOAC 971.21(*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM.

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

19/ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

19/ F267- F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, C. Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918 219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

19/ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 3811 808

☎ (84.258) 3811 809

✉ vanphongmientrung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code BN18011999 MM18017241	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	BMNM 02/3 – LBH 03 Ngày/Date : 20/04/2018
--	---	--

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
 Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 Tên mẫu/ Name of sample : KEM KHOAI MÔN DỪA - NHÃN HIỆU DELIGHT YOLO (V-K-2)
 Số lượng/ Quantity : 1
 Tình trạng mẫu/ Sample description : Kem ăn, đựng trong bao giấy.
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/01/2018
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 05/02/2018

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Aflatoxin M ₁	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0033 (HPLC Ref. AOAC 986.16)(*)
2	Melamine	µg/kg	Không phát hiện MDL = 100	CASE.SK.0023 (GC/MS/MS)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH :
 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 ☎ 18001105
 ☎ (84.28) 3911 7216
 ✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ :
 F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cai Rang, Cần Thơ
 ☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218
 ☎ (84.292) 3918 219
 ✉ support@case.com.vn

VPHÒNG MIỀN TRUNG :
 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 ☎ (84.258) 3811 808
 ☎ (84.258) 3811 809
 ✉ vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH

CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code
BN18011999
MM18017241

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

BMNM 02/3 – LBH 03
Ngày/Date : 20/04/2018

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK
Địa chỉ/ Address : 10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ Name of sample : KEM KHOAI MÔN DỪA - NHÃN HIỆU DELIGHT YOLO (V-K-2)
Số lượng/ Quantity : 1
Tình trạng mẫu/ Sample description : Kem ăn, đựng trong bao giấy.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 27/01/2018
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 08/02/2018



STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Methyl Bromide	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	CASE.MT.0106 (GC - MS)
2	2,4 - D	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
3	Acetamiprid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS_AOAC 2007.01
4	Aldrin và Dieldrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,006	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
5	Azoxystrobin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
6	Bifenthrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
7	Boscalid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM.

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F267- F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918 219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 3811 808

☎ (84.258) 3811 809

✉ vanphongmienntrung@case.vn



STT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
9	Carbaryl	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
	Carbendazim	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
10	Chlorantraniliprole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
11	Chlordane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,002	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
12	Clofentezine	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
13	DDT	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
14	Difenoconazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
15	Diflubenzuron	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
16	Emamectin benzoat	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,002	LC/MS/MS_AOAC 2007.01
17	Endosulfan	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,004	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
18	Etoxazole	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
19	Fenbuconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
20	Fenpropathrin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
21	Fenpyroximate	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,005	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM.

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

☎ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

☎ F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918 219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

☎ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 3811 808

☎ (84.258) 3811 809

✉ variphongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
22	Flubendiamide	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,05	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
23	Heptachlor	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,006	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
24	Hexythiazox	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
25	Imidacloprid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
26	Lindane	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
27	Methamidophos	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
28	Methoxyfenozide	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
29	Paraquat	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,005	LCMS/MS-Preparation Method for the Determination of Paraquat and Diquat in Food Commodities
30	Phosmet	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
31	Pyraclostrobin	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
32	Pyrethrins	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TRHCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

91 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM
(84.8) 3829 6113 - 3829 1744
(84.8) 3911 5119
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

91 F2.67 -F2.68, Đường số 6, KDC 585, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(84.710) 3918216 - 217 - 218
(84.710) 3918219
support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
(84.58) 3811 808
(84.58) 3811 809
kinhdoanh@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
33	Spinetoram	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
34	Spinosad	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
35	Spirodiclofen	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,002	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
36	Spirotetramat	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,002	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
37	Tebuconazole	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
38	Thiacloprid	mg/kg	Không phát hiện MDL = 0,01	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
39	Trifloxystrobin	mg/Kg	Không phát hiện MDL = 0,01	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
40	Gluphosinate- ammonium	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,02	J. AOAC Int. 100 (2017) 631 - 639(**)
41	Penthiopyrad	mg/kg	Không phát hiện, MDL = 0,01	BS EN 15662 : 2008(**)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(84.8) 3829 6113 - 3829 1744

(84.8) 3911 5119

casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(84.710) 3918216 - 217 - 218

(84.710) 3918219

support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa

(84.58) 3811 808

(84.58) 3811 809

kinhdoanh@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
 CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



Mã số mẫu/ Sample Code
 BN18011999
 MM18017241

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

BMNM 02/3 - LBH 03
 Ngày/Date : 20/04/2018

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - VINAMILK**
 Địa chỉ/ Address : **10 TÂN TRÀO - PHƯỜNG TÂN PHÚ - QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
 Tên mẫu/ Name of sample : **KEM KHOAI MÔN DỪA - NHÃN HIỆU DELIGHT YOLO (V-K-2)**
 Số lượng/ Quantity : **1**
 Tình trạng mẫu/ Sample description : **Kem ăn, đựng trong bao giấy.**
 Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **27/01/2018**
 Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **05/02/2018**



STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	Albendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
2	Alpha - cypermethrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
3	Amoxicilline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 4	LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19-32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76
4	Benzyl penicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 4	LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19-32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76
5	Ceftiofur	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM.

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
 (V) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 (T) 18001105
 (S) (84-28) 3911 7216
 (E) casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 (V) F2.67- F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 (T) (84-292) 3918 216 - 217 - 218
 (S) (84-292) 3918 219
 (E) support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 (V) 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
 (T) (84-258) 3811 808
 (S) (84-258) 3811 809
 (E) vanphongmienntrung@case.vn



STT/	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
6	Chlortetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS-Journal of Chro. A, 1177 (2008) 58- 76 - Journal of Chro B, 857 (2007) 142-148
7	Clenbuterol	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,05	CASE.SK.0078- LC/MS/MS
8	Colistin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	LC/MS/MS_Analytica Chimica Acta 535 (2005)23-31
9	Cyfluthrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
10	Cyhalothrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
11	Cypermethrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
12	Deltamethrin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
13	Dexamethasone	µg/kg	Không phát hiện MDL = 0,3	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
14	Diminazene	µg/kg	Không phát hiện MDL = 100	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
15	Doramectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
16	Eprinomectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
17	Febantel	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
18	Fenbendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

☎ 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎ 18001105
☎ (84.28) 3911 7216
✉ casencm@case.vn

CN CẦN THƠ

☎ F267-F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎ (84.292) 3918 216 - 217 - 218
☎ (84.292) 3918 219
✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

☎ 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 3811 808
☎ (84.258) 3811 809
✉ vanphongmienntrung@case.vn

STT/ Số	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
19	Imidocarb	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76; Journal of Chromatography B, 857 (2007) 142-148.
20	Isometamidium	µg/kg	Không phát hiện MDL = 100	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
21	Ivermectin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
22	Lincomycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
23	Monensin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 2	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
24	Oxfendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
25	Oxytetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76; Journal of Chromatography B, 857 (2007) 142-148.
26	Pirlimycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 100	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
27	Procaine benzylpenicillin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 4	LC/MS/MS_Ref. Analytica Chimica Acta 520 (2004) 19-32; Journal of Chromatography A, 1177 (2008) 58-76
28	Spiramycin	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
29	Sulfadimidine	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample

TRỤ SỞ CHÍNH

191 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM
☎ (84.8) 3829 6113 - 3829 1744
☎ (84.8) 3911 5119
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

191 F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎ (84.710) 3918215 - 217 - 218
☎ (84.710) 3918219
✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

191 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.58) 3811 808
☎ (84.58) 3811 809
✉ kinhdoanh1@case.vn

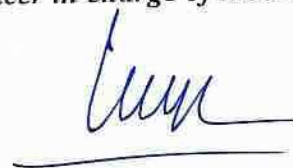
STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
30	Tetracycline	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS-Journal of Chro. A, 1177 (2008) 58- 76 - Journal of Chro B, 857 (2007) 142-148
31	Thiabendazole	µg/kg	Không phát hiện MDL = 20	LC/MS/MS-Ref. AOAC 2007.01
32	Trichlorfon (Metrifonat)/ Dipterex	µg/kg	Không phát hiện MDL = 10	CASE.SK.0111 (Ref. AOAC 2007.01_GC/MS/MS) (*)
33	Tylosine	µg/kg	Không phát hiện MDL = 50	LC/MS/MS - Ref.AOAC 2007.01
34	Dihydrostreptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 30	BIOCHIP
35	Gentamycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 40	Ref(CASE.NC.0056)
36	Neomycine	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 10	BIOCHIP
37	Spectinomycine	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 40	BIOCHIP
38	Streptomycin	µg/kg	Không phát hiện, MDL = 30	BIOCHIP

(*) Phương pháp được VILAS công nhận / Method is accredited by VILAS

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Subcontracted test.

MDL - Ngưỡng phát hiện của phương pháp / Method Detection Limit.

**Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory**



Trần Đình Hiệp

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR



TS. Chu Văn Hải

1/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng / Information of sample is written as customer's request.
2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.
3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử / This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
[☎] 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
[☎] (84.8) 3829 6113 - 3829 1744
[☎] (84.8) 3911 5119
[✉] casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
[☎] F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
[☎] (84.710) 3918216 - 217 - 218
[☎] (84.710) 3918219
[✉] support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
[☎] 300 Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp, Nha Trang, Khánh Hòa
[☎] (84.58) 3811 808
[☎] (84.58) 3811 809
[✉] kinhdoanh@case.vn